yú gāng

鱼缸

noun · fish tank; aquarium

Example Sentences

Yú gāng lǐ yǒu sān tiáo jīn yú
鱼 缸 里 有 三 条 金鱼。

There are three goldfish in the fish tank.

Tā měi zhōu dōu huì qīng xǐ yú gāng
他 每 周 都 会 清 洗 鱼 缸 。

He cleans the fish tank every week.

Zhè ge yú gāng tài xiǎo le bù shì hé yǎng rè dài yú
这 个 鱼 缸 太 小 了， 不 适 合 养 热 带 鱼。

This fish tank is too small to keep tropical fish.

Trace each character, then write the word on your own.

鱼 鱼 鱼 鱼 鱼 鱼 鱼 鱼 鱼 鱼 鱼

缸 缸 缸 缸 缸 缸 缸 缸 缸 缸 缸

缸